

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ KỸ THUẬT UNIGES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ KỸ THUẬT UNIGES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIGES TECHNOLOGY
INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: UNIGES TECHNOLOGY INTERNATIONAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109790518

3. Ngày thành lập: 25/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19, ngõ Bưu Điện, Thôn Chợ, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358083083

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này., Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá.)	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế, Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, Bán buôn vali, cặp, túi, ví, quần áo	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị linh kiện các loại lọc khí, thiết bị phòng sạch, Bán buôn kinh doanh trang thiết bị y tế, thiết bị môi trường, dụng cụ và hóa chất thí nghiệm, Bán buôn kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng như máy in, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi.	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
18.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
23.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
26.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
27.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

30.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
31.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
34.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
35.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
36.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
37.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết y tế, Sản xuất bông gòn, băng gạc y tế, Sản xuất các thiết bị, dụng cụ cao su dùng trong y tế, Sản xuất vật tư y tế tiêu hao, dụng cụ xét nghiệm y tế	3250
43.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
46.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xây dựng công trình điện	4221
51.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
55.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, thiết bị phòng thí nghiệm, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở	4321(Chính)

56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN DỤ	Việt Nam	Số 19, ngõ Bưu Điện, Thôn chợ, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	5,000	001052012002	
2	HOÀNG VĂN ANH	Việt Nam	Số 19, ngõ Bưu Điện, Thôn chợ, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.900.000.000	95,000	001088046345	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088046345

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 19, ngõ Bưu Điện, Thôn chợ, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19, ngõ Bưu Điện, Thôn chợ, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

